

Số: 47/2021/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm: 1980.

Bị đơn: Chị Quàng Thị Th, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Cùng trú tại A, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lò Văn D và chị Quàng Thị Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn D và chị Quàng Thị Th thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Lò Thị Thanh Tr, sinh ngày 18/07/2010 và cháu Lò Thị Ngọc M, sinh ngày 15/05/2015 đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr với mức cấp dưỡng là 2.500.000

đồng/tháng. Hình thức cấp dưỡng tiền mặt; phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2021.

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh D không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản:

- Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có
- Tài sản chung, nợ phải trả: Không đề nghị Tòa giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điều a Khoản 5, Điều b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. anh D và chị Th mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST; anh D phải chịu 150.000đ án phí DSST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, anh D tự nguyện chịu cả phần án phí DSST của chị Th, tổng số tiền án phí DSST anh D phải chịu 300.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000763 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. anh D đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- VKSND H.Điện Biên;
- UBND xã Thanh Yên, H.ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đỗ Thu Hương